TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-PT
Ngày 29-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng giao khoán thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng giao khoán thi công".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng T.

Địa chỉ trụ sở: Số 96, khu phố 6, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương H - Giám đốc Công ty TNHH xây dựng T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trần Thị Hoàng M - Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng M Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng Th.

Địa chỉ trụ sở: Phố 9, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hữu S - Tổng giám đốc Công ty TNHH xây dựng Th. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H - Cán bộ đại diện Công ty TNHH xây dựng Th tại khu vực tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q; địa chỉ: Quốc lộ 9, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C- Chánh văn phòng Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Q (văn bản ủy quyền số 941/BQLDA-VP ngày 28/12/2020). Có mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH xây dựng Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T trình bày:

Ngày 15/7/2017, nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng T *(viết tắt: Công ty T)* và bị đơn Công ty TNHH xây dựng Th *(viết tắt: Công ty Th)* đã ký kết hợp đồng giao khoán thi công xây dựng để thi công xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Quảng Trị. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tiến hành thi công tại đoạn đường thuộc địa phận xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Ngày 15/5/2019, các bên đã tiến hành nghiệm thu và xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán với số tiền là: 845.600.000 đồng (tám trăm bốn lăm triệu sáu trăm ngàn đồng) và Công ty Th đã có Văn bản số 16/CV-CT ngày 15/5/2019 uỷ quyền cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q chi trả cho Công ty T số tiền 845.600.000 đồng vào số tài khoản 114000098220 của Công ty T mở tại Ngân hàng Vietinbank Quảng Trị. Tuy nhiên, ngày 16/12/2019, Công ty Th đã có văn bản số 39/CV-CT huỷ văn bản uỷ quyền số 16/CV-CT nên Kho bạc Nhà nước không chuyển tiền cho Công ty T.

Vì vậy, Công ty T yêu cầu Toà án buộc Công ty Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền là 1.014.720.000 đồng, trong đó: 845.600.000 đồng giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng và 169.120.000 đồng là tiền lãi chậm thanh toán (mức lãi suất là 20%/năm). Yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản số 114000098220 của Công ty T mở tại Ngân hàng Vietinbank Quảng Trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 127.051.400 đồng; trong đó: Rút yêu cầu đối với 5% giá trị bảo hành công trình chưa đến hạn thanh toán là 42.280.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 16/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2020 là 01 năm 02 tháng (mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước 9%/năm) là: (845.600.000đ - 42.280.000đ) x 9%/năm x 1 năm 02 tháng = 84.348.600 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 887.668.600đồng; trong đó: 803.320.000 đồng tiền khối lượng thi công và 84.348.600 đồng tiền lãi do chậm thanh toán.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH xây dựng Th trình bày:

Công ty Th thừa nhận có ký Hợp đồng giao khoán thi công với Công ty T. Tuy nhiên, do Công ty T chậm tiến độ nên Công ty Th yêu cầu dừng thi công. Công ty Th không vi phạm hợp đồng, không thừa nhận số tiền do Công ty T đưa ra; không thừa nhận Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng và đề nghị thanh toán ngày 15/5/2019; đề nghị giám định chữ ký và thời điểm ký đối với Bảng xác định này và Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng.

Trong quá trình thi công, Công ty T có sử dụng thiết bị, vật liệu của Công ty Th để thi công công trình nên đề nghị Công ty T đối chiếu công nợ bao gồm tiền ca máy, sử dụng vật liệu và các khoản tiền đã nhận để trừ đi, còn lại bao nhiêu đề nghị làm thủ tục xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty Th trước khi thanh toán. Công ty Th đề nghị chuyển hồ sơ vụ án đến Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để giải quyết vì trụ sở của bị đơn đóng trên địa bàn thành phố Ninh Bình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án với các lý do:

- Các bên đã thỏa thuận cơ quan giải quyết tranh chấp là trọng tài kinh tế hoặc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Do đó, việc các bên thỏa thuận chọn Tòa án tỉnh Quảng Trị là không đúng với quy định của pháp luật thì các bên phải giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài kinh tế chứ Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng không có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Nút giao thông Trần Hưng Đạo từ Km2 + 483 đến cuối tuyến là Km5 + 913 đi qua địa bàn thị xã Quảng Trị và huyện Hải Lăng. Do đó, nguyên đơn không thể chọn Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng giải quyết vụ án mà vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú.

- Nguyên đơn chỉ dựa vào bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành để khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo Điều 5 của hợp đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q trình bày:

Công ty TNHH xây dựng Th là đơn vị thi công gói thầu số 10-XL; Thi công xây dựng đoạn tuyến từ cuối nút giao đường Trần Hưng Đạo Km2+483 (Bao gồm cầu kênh Km3+670). Thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Quảng Trị theo hợp đồng số 19/2016/HĐXD ngày 19/9/2016 và các phụ lục hợp đồng bổ sung.

Ngày 17/5/2019, Ban QLDA đã nhận được văn bản số 16/CV-CT ngày 15/5/2019 của công ty TNHH Thống Nh về việc ủy quyền chi trả khối lượng thực hiện gói thầu số 10-XL, dự án tuyến tránh đoạn qua thị xã Quảng Trị.

Ngày 12/12/2019, Công ty TNHH xây dựng Th nghiệm thu khối lượng hoàn thành đợt 4 gói 4-XL với giá trị 6.579.961.000đ.

Ngày 13/12/2019, căn cứ hồ sơ nghiệm thu đợt 4, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q đã lập giấy rút vốn đầu tư thanh toán cho công ty TNHH Thống Nh với số tiền 5.091.798.000đ, đồng thời thực hiện việc thanh toán số tiền 845.600.000 đồng cho Công ty T theo văn bản uỷ quyền số 16/CV-CT ngày 15/5/2019 của Công ty Th. Tuy nhiên, Kho bạc nhà nước tỉnh không nhận hồ sơ chuyển tiền cho Công ty TNHH T theo ủy quyền của Công ty Th theo văn bản số 16/CV-CT và đề nghị của BQLDA. Ngày 14/12/2019, Ban QLDA nhận được công văn số 39/CV-CT ngày 13/12/2019 của công ty TNHH Thống Nh về việc hủy chi trả khối lượng cho Công ty T.

Ngày 17/12/2019, Kho bạc Nhà nước tỉnh nhận chứng từ, nhưng đến ngày 18/12/2019 Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị đã trả lại hồ sơ cho Ban QLDA với lý do: Tên đơn vị hưởng không có tên trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng theo quy định, đơn vị nhận thầu có công văn hủy giấy ủy quyền. Để tạo điều kiện cho Công ty Th và Công ty T, trong khi kế hoạch vốn TPCP chỉ thanh toán đến 31/12/2019. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q đã đề nghị Kho bạc tỉnh chuyển số tiền 845.600.000đ này vào tài khoản của Ban mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật, theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, công trình thi công đã hoàn thành, đang hoàn thiện các thủ tục bàn giao để đưa vào sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 306 Luật thương mại; Điều 410 Bộ luật dân sự, xử:

- Buộc Công ty Th phải thanh toán cho Công ty T số tiền là 803.320.000 đồng.

- Buộc Công ty Th phải trả cho Công ty T số tiền lãi do chậm thanh toán là 84.348.000 đồng.

- Ngay sau khi Công ty Th thanh toán hết số tiền 803.320.000 đồng thì Công ty T phải xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH xây dựng Th tương ứng với số tiền tại Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán ngày 15/5/2019.

- Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi của của Công ty TNHH xây dựng T với số tiền 127.051.000 đồng.

Ngoài ra, còn tuyên tiền lãi nếu chậm thi hành án, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/9/2020, Công ty TNHH xây dựng Th kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 01/12/2020, Công ty Th kháng cáo bổ sung với nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền, trái với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Do nút giao thông Trần Hưng Đạo KM2+483 đến cuối Km5+913 đi qua địa phận thị xã Quảng Trị và huyện Hải Lăng.

- Nguyên đơn chỉ dựa vào bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành ký ngày 15/5/2019 để khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Vì chưa đủ những điều kiện được liệt kê tại điều 5 của hợp đồng.

- Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng vì hợp đồng giao khoán thi công là hợp đồng xây dựng. Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 4, Điều 306 Luật thương mại; Điều 410 Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án là áp dụng trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét việc Công ty Th không phải chịu lãi suất vì số tiền trên công ty chưa được nhận, đang do Ban QLDA quản lý; đồng thời yêu cầu buộc Công ty T phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Th trước khi nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH xây dựng Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21/9/2020 của TAND huyện Hải Lăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 15/7/2017, Công ty T và Công ty Th ký kết hợp đồng giao khoán thi công xây dựng gói thầu số 10-XL để thi công xây dựng đoạn tuyến từ cuối nút giao đường Trần Hưng Đạo Km2 + 483 đến cuối tuyến Km5 + 913 (bao gồm cầu kênh: Km3 + 670) là tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Quảng Trị. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tiến hành thi công tại đoạn đường thuộc địa phận xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Do Công ty Th chưa thanh toán giá trị khối lượng công việc đã thi công theo hợp đồng nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Th thanh toán tiền nợ công trình đã thi công và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng thụ lý để giải quyết vụ án và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng giao khoán thi công xây dựng.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Th, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về thời hạn kháng cáo: Ngày 30/9/2020, bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, đến ngày 01/12/2020 bị đơn kháng cáo bổ sung nằm trong giới hạn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo trong thời hạn quy định, do đó TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý vụ án để xem xét kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Th:

[2.2.1]. Bị đơn Công ty Th cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền, bởi vì tại Điều 12 của Hợp đồng số 15/2017/HĐGK ngày 15/7/2017 khi xảy ra tranh chấp các bên có quyền lựa chọn Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết vụ án; đồng thời nút giao thông Trần Hưng Đạo KM2+483 đến cuối Km5+913 đi qua địa phận thị xã Quảng Trị và huyện Hải Lăng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện tại nơi thực hiện hợp đồng thuộc địa phận huyện Hải Lăng là không đúng theo điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 12 của hợp đồng giao khoán thi công xây dựng ngày 15/7/2017 các bên đã ký kết có quy định: *"...Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi văn bản lên Trọng tài kinh tế (hoặc Tòa án nhân dân) tỉnh Quảng Trị để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án nhân*

dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên". Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q cho biết: Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A qua thị xã Quảng Trị nằm trên địa giới (địa phận) thị xã Quảng Trị và huyện Hải Lăng, nút giao thông Trần Hưng Đạo từ Km2+483 đến cuối tuyến là Km5+ 913 do hai nhà thầu liên kết thi công. Trong đó, Công ty Th chỉ thi công từ Km5+00 đến Km5+913. Tại biên bản làm việc ngày 22/11/2018 các bên thống nhất 05 cống Công ty T đã xây dựng nằm trên địa phận thôn 3, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng. Như vậy, phần công việc mà Công ty T thi công theo hợp đồng hoàn toàn nằm trên địa phận huyện Hải Lăng. Theo nội dung thỏa thuận nêu trên, khi xảy ra tranh chấp các bên có quyền lựa chọn Trọng tài (hoặc Tòa án nhân dân) tỉnh Quảng Trị để giải quyết. Vì vậy, việc nguyên đơn không chọn Trọng tài mà chọn TAND và cụ thể là TAND huyện Hải Lăng là nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết tranh chấp là đúng thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quyền lựa chọn của nguyên đơn. Chỉ khi nguyên đơn không lựa chọn Tòa án nơi thực hiên hợp đồng để giải quyết tranh chấp thì khi đó mới áp dụng Tòa án nơi bị đơn cư trú hoặc bị đơn có trụ sở để giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng căn cứ khoản 1 Điều 30 BLTTDS và khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS để thụ lý giải quyết án là đúng thẩm quyền, không trái với thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.2.2]. Bị đơn cho rằng nguyên đơn chỉ dựa vào bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành ký ngày 15/5/2019 để khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện, vì chưa đủ những điều kiện được liệt kê tại điều 5 của hợp đồng.

Thấy rằng: Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng giữa 02 công ty là hợp đồng theo đơn giá khoán gọn; khối lượng nghiệm thu theo thực tế thi công tại hiện trường. Theo điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng thì: Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng đối với hợp đồng trọn gói gồm các tài liệu chủ yếu là "Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết". Do đó, ngày 15/5/2019, Công ty T và Công ty Th lập "Bảng xác định giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán" là phù hợp quy định điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng; Bảng xác định giá trị công việc

hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán là căn cứ pháp lý chứng minh Công ty T đã hoàn thành công việc và giá trị công việc đã hoàn thành được thanh toán, tuy nhiên Công ty Th không thực hiện thanh toán nên Công ty T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bên cạnh đó, do trong quá trình thi công, Công ty Th cho rằng Công ty T đã vi phạm hợp đồng do thi công sai thiết kế, thi công quá thời hạn thỏa thuận nên Công ty Th đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty T; sau khi Công ty T ngừng thi công, các hạng mục còn lại chưa thi công hoặc nếu bị tháo dỡ thì Công ty Th cũng không có văn bản, tài liệu chứng minh là phần công việc Công ty T đã xây dựng phải bị tháo dỡ, phải tiến hành làm lại, chuyển giao cho đơn vị khác thi công nên không được thanh toán. Tuy nhiên, theo BQLDA thì công trình Công ty T thi công có sai sót nhưng trong mức độ cho phép; phần thi công đã được nghiệm thu, đưa vào sử dụng và công ty Thông Nhất đã thanh toán toàn bộ hợp đồng, số tiền còn lại Công ty T đã thi công do có tranh chấp nên đã được chuyển cho Ban QLDA xây dựng công trình giao thông tỉnh Quảng Trị quản lý để chi trả theo quy định.

Như vậy, hợp đồng giao khoán thi công xây dựng giữa Công ty Th và Công ty T đã được các bên ký xác lập ngày 15/5/2017 trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tiến hành thi công các hạng mục công trình. Phía bị đơn cho rằng nguyên đơn thi công không đúng thiết kế, vi phạm thời gian theo thỏa thuận nên buộc bị đơn dừng thi công, tuy nhiên đến ngày 15/5/2019 giữa bị đơn và nguyên đơn đã tiến hành lập "Biên bản xác định khối lượng hoàn thành và đề nghị thanh toán", theo đó Công ty T đã xây dựng công trình theo hợp đồng và khối lượng có trị giá 845.600.000đ và Công ty Th có trách nhiệm thanh toán lại cho Thái Sơn. Đến ngày 16/12/2019, Công ty Th đã có văn bản ủy quyền cho Ban QLDA thanh toán tiền cho Công ty T, tuy nhiên, sau đó Công ty Th lại có văn bản hủy văn bản về việc ủy quyền cho Ban QLDA thanh toán tiền cho Công ty T. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Th cho rằng "Biên bản xác định khối lượng hoàn thành và đề nghị thanh toán" và chữ ký của hợp đồng là giả mạo nhưng không cung cấp bằng chứng để chứng minh là giả mạo cũng như không nộp tiền chi phí trưng cầu giám định để xác định chứng cứ giả mạo; tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp 02 phiếu xuất kho cho rằng nguyên đơn mượn cốt pha để yêu cầu nguyên đơn đối chiếu công nợ thanh toán việc sử dụng trang thiết bị, vật liệu của bị đơn để trên cơ sở đó đối trừ nghĩa vụ thanh toán nhưng các phiếu xuất kho này không có dấu của phía bị đơn và tại phiên tòa nguyên đơn không thừa nhận việc mượn cốt pha của bị đơn. Vì vậy, có đủ căn cứ buộc bị đơn phải thanh toán cho Công ty T số tiền đã thực

hiện hợp đồng nhưng chưa được thanh toán theo yêu cầu của Công ty T là 803.320.000đ.

Đối với việc tính lãi suất của khoản tiền chưa thanh toán, bị đơn cho rằng phía bị đơn chưa nhận được tiền, số tiền trên đang do Ban QLDA quản lý nên Công ty Th không chịu lãi suất theo yêu cầu của Công ty T. Xét thấy, mặc dù khoản tiền Công ty T đã thực hiện hợp đồng chưa thanh toán và đang do Ban QLDA quản lý, tuy nhiên, do Công ty Th không thanh toán cho Công ty T giá trị các hạng mục công trình Công ty T đã thực hiện kể từ thời điểm 02 công ty lập "Biên bản xác định khối lượng hoàn thành và đề nghị thanh toán" ngày 15/5/2019, do đây là tranh chấp thương mại, các bên phát sinh tranh chấp và có yêu cầu tính lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 4, Điều 306 Luật thương mại để buộc Công ty Th phải trả tiền lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi 84.348.600đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Th, buộc Công ty Th phải trả cho Công ty T với tổng số tiền là 887.668.600đ.

[2.2.3]. Bị đơn cho rằng Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng vì hợp đồng giao khoán thi công là hợp đồng xây dựng. Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 4, Điều 306 Luật thương mại; Điều 410 Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án là áp dụng trái pháp luật.

Thấy rằng: Tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định các loại hợp đồng xây dựng: Hợp đồng thi công xây dựng công trình (viết tắt là hợp đồng thi công xây dựng) là hợp đồng để thực hiện việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc phần việc xây dựng theo thiết kế xây dựng công trình. Như vậy, Hợp đồng giữa Công ty Th với Công ty T là hợp đồng giao khoán thi công xây dựng giao thông. Do đó, khi giải quyết tranh chấp giữa các bên cần áp dụng khoản 1 Điều 138 Luật xây dựng để giải quyết. Mặc dù bản án sơ thẩm không áp dụng luật chuyên ngành trong quá trình giải quyết, nhưng trên thực tế vụ việc đã được giải quyết đúng nội dung nên Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng các quy định của Luật xây dựng để khắc phục thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích, đánh giá trên, thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bị đơn Công ty Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 306 Luật thương mại; Điều 410 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH xây dựng Th.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Buộc Công ty TNHH xây dựng Th phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng T số tiền là 803.320.000đ *(tám trăm linh ba triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng)*. Số tiền trên hiện có trong tài khoản số 3741.0.1041177.92001 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Q mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị.

- Buộc Công ty TNHH xây dựng Th phải trả cho Công ty TNHH xây dựng T số tiền lãi do chậm thanh toán là 84.348.000đ *(tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn đồng)*.

- Sau khi Công ty TNHH xây dựng Th thanh toán hết số tiền 803.320.000đ cho Công ty TNHH xây dựng T thì Công ty TNHH T phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH xây dựng Th tương ứng với số tiền tại Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán ngày 15/5/2019.

- Đình chỉ đối với phần Công ty TNHH T rút yêu cầu khởi kiện với số tiền là 127.051.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.220.800đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2018/0002180 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng.

- Công ty TNHH xây dựng Th phải chịu 38.630.040đ *(Ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng)* án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng chẵn)* án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002222 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Công ty TNHH xây dựng Th còn phải chịu 38.630.040đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày **29/12/2020**.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Hải Lăng;
- Chi cục THADS H. Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Trung